

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2022

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2021-2022**

Khoa: ĐIỆN - ĐIỆN TỬ

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2021 TRUNG CẤP (T2)							
1	Máy điện (ĐCN)	0713001074	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Trang bị điện (ĐCN)	0713001018	Tự luận	90'		x	
2021 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Cung cấp điện (ĐCN)	0211000236	Tự luận	90'		x	
2	Điện tử cơ bản (CĐT, ĐĐT, ĐCN, TĐH)	0211000037	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Kỹ thuật số (CĐT, ĐĐT, ĐCN, TĐH)	0211000091	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Máy điện (ĐĐT, ĐCN, TĐH)	0211000271	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Trang bị điện (TĐH)	0211000295	Tự luận	90'		x	
2021 CAO ĐẲNG CLC (C3)							
1	Bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả (CĐT)	0201002573	Tiểu luận				
2	Kỹ thuật số (CĐT)	0201000091	Trắc nghiệm	60'		x	
2021 CAO ĐẲNG CLC LIÊN KẾT QUỐC TẾ (C7)							
1	Động cơ cảm ứng một pha và ba pha (ĐCN)	0222003082	Tự luận	90'		x	
2	Hệ thống điện cơ bản (ĐCN)	0222003083	Tiểu luận				
3	Kiểm tra và đo lường điện (ĐCN)	0222003084	Thực hành				

THỦ TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
LY TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TS. Đinh Văn Đệ

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2021-2022**
Khoa: NHIỆT - LẠNH

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2021 TRUNG CẤP (T4)							
1	Cơ sở kỹ thuật lạnh (KML, VSL)	0714002204	Tự luận	90	x		
2021 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Cơ sở kỹ thuật lạnh (CNL, KML, VSL)	0211001346	Tiểu luận				
2	Trang bị điện hệ thống lạnh (CNL, KML, VSL)	0211001347	Tiểu luận				

KI. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2022

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2021-2022
Khoa: CƠ KHÍ**

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2021 TRUNG CẤP (T4)							
1	Vẽ kỹ thuật (CCK, CKC, CTM)	0714001350	Tự luận	120'		x	
2021 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Cơ kỹ thuật (CCK, CTM)	0211002030	Tự luận	90'	x		
2	Dung sai - Kỹ thuật đo (CCK, CTM, CĐT)	0211000769	Trắc nghiệm	60'		x	
2021 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (C2)							
1	Cơ kỹ thuật (CCK)	0204002030	Tự luận	90'	x		
2	Lập trình CNC	0204001453	Thi trên máy tính	120'		x	
3	Nguyên lý cắt kim loại (CCK)	0204000273	Tự luận	60'		x	
4	Nguyên lý chi tiết máy (CCK)	0204001253	Tự luận	90'	x		
2021 CAO ĐẲNG CLC (C3)							
1	Cơ kỹ thuật (CCK)	0201002266	Tự luận	90'	x		
2	Cơ lý thuyết (CNÔ)	0201000024	Tự luận	90'	x		
3	Nguyên lý cắt kim loại (CCK)	0201000273	Tự luận	60'		x	
2021 CAO ĐẲNG CLC TTTN NHẬT (C6)							
1	Cơ lý thuyết (CNÔ)	0221000024	Tự luận	90'	x		

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2021 CAO ĐẲNG CLC LIÊN KẾT QUỐC TẾ (C7)							
1	Các phương pháp gia công cơ khí hiện đại (CCK)	0222002420	Tự luận	60'		x	
2	Nguyên lý cắt kim loại (CCK)	0222003074	Tự luận	60'		x	
3	Sức bền vật liệu (Strength of Materials) (CCK)	0222003075	Tự luận	90'	x		

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2022

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2021-2022
Khoa: ĐỘNG LỰC**

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2021 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (C2)							
1	Hệ thống điện và điện tử ô tô (CNÔ)	0204000868	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Kỹ thuật điện - điện tử (CNÔ)	0204000961	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Lý thuyết gầm ô tô (CNÔ)	0204002149	Trắc nghiệm	60'		x	
2021 CAO ĐẲNG CLC (C3)							
1	Bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả (CNÔ)	0201002189	Tiểu luận				
2021 CAO ĐẲNG CLC TTTN NHẬT (C6)							
1	Bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả (CNÔ)	221002189	Tiểu luận				

K. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2022

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2021-2022
Khoa: MAY - THỜI TRANG**

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2021 TRUNG CẤP (T4)							
1	Mỹ thuật trang phục	0714002078	Tự luận	90'		x	
2	Thiết bị và bảo trì may công nghiệp	0714001060	Thực hành	120'		x	
2021 CAO ĐẲNG (C1)							
1	May trang phục 1	0211001322	Thực hành	270'		x	

KHIẾU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG


TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2022

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2021-2022
Khoa: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2021 TRUNG CẤP (T4)							
1	Kỹ thuật lập trình (ANM, CMT, ĐHĐ, LTM, THU, TKW, QTM)	0714002901	Tự luận	90		x	
2	Tin học (TKĐ)	0714002070	Trên máy tính	90		x	
2021 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Cơ sở dữ liệu (CMT, LTM, QTM, TKW)	0211002845	Trắc nghiệm trên máy tính	60		x	
2	Điện tử cơ bản (CMT)	0211002916	Trắc nghiệm trên máy tính	60		x	
3	Tin học (CCK, CTM, CNM, KTD, QTD, TCD, LGT, TMĐ, KLB, KXD, CĐ, ĐĐT, ĐCN, TĐH)	0211002028	Trên máy tính	90		x	
2021 CAO ĐẲNG CLC (C3)							
1	Cơ sở dữ liệu (LTM)	0201002845	Tự luận	90		x	
2	Lập trình hướng đối tượng (LTM)	0201002999	Tự luận	90		x	
3	Lập trình mạng (LTM)	0201003002	Tự luận	90		x	
4	Tin học (CCK, CĐT)	0201002028	Trên máy tính	90		x	
2021 TRUNG CẤP (T2)							
1	Tin học	0713002178	Trên máy tính	90		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2021 CAO ĐẲNG CLC LIÊN KẾT QUỐC TẾ (C7)							
1	Bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả (LTM)	0222003072	Tự luận	60	x	x	
2	Cơ sở dữ liệu (LTM)	0222002845	Trắc nghiệm trên máy tính	60		x	
3	Lập trình hướng đối tượng (LTM)	0222002999	Tự luận	90		x	
4	Lập trình mạng (LTM)	0222003002	Tự luận	90		x	
5	Tin học (CCK, NNA, ĐCN)	0222002028	Trên máy tính	90		x	



TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2022

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2021-2022
Khoa: KINH TẾ**

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2021 TRUNG CẤP (T4)							
1	An ninh - an toàn trong nhà hàng, khách sạn (QKS)	0714002281	Tự luận	90'		x	
2	Dịch vụ chăm sóc khách hàng (QKS)	0714002530	Tự luận	90'		x	
3	Giao tiếp trong du lịch (QNH, QDL)	0714002529	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Kỹ năng làm việc với máy móc thiết bị (LGT)	0714002020	Tự luận	90'	x		
5	Nghiệp vụ thanh toán (QDL)	0714002528	Tự luận	90'		x	
6	Quản trị văn phòng (QTD)	0714001728	Trắc nghiệm	60'		x	
7	Soạn thảo văn bản (KTD)	0714002080	Tự luận	90'		x	
8	Văn hóa Việt Nam (QLH)	0714002282	Tự luận	90'		x	
2021 CAO ĐẲNG (C1)							
1	An ninh - an toàn trong nhà hàng, khách sạn (QKS, QNH)	0211002281	Tự luận	90'		x	
2	Bán lẻ điện tử (TMĐ)	0211002838	Tiểu luận				
3	Bao bì - Đóng gói hàng hóa (LGT)	0211002351	Tự luận	90'		x	
4	Chiến lược và chính sách kinh doanh (QTD)	0211002226	Tự luận	90'		x	
5	Dịch vụ khách hàng (LGT)	0211002042	Tự luận	90'	x		
6	Giao tiếp trong du lịch (QKS, QNH)	0211002529	Trắc nghiệm	60'		x	
7	Hành vi tổ chức (QTD)	0211001315	Trắc nghiệm	60'		x	
8	Kinh tế vi mô (KTD, QTD, TCD)	0211001308	Trắc nghiệm	60'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
9	Kỹ năng làm việc với máy móc thiết bị (LGT)	0211002045	Tự luận	90'		x	
10	Lập kế hoạch kinh doanh (KLB)	0211002553	Tự luận	90'		x	
11	Luật kinh doanh (KTD)	0211002222	Tự luận	90'	x		
12	Luật kinh tế (TCD)	0211002559	Tiểu luận				
13	Mạng và truyền thông (TMĐ)	0211003120	Tự luận	90'		x	
14	Marketing căn bản (KTD, QTD, TCD))	0211001314	Trắc nghiệm	60'		x	
15	Marketing điện tử (TMĐ)	0211000550	Tiểu luận				
16	Nghiệp vụ đặt bàn ăn trong nhà hàng (QNH)	0211003119	Tiểu luận				
17	Nghiệp vụ thanh toán trong khách sạn (QKS)	0211002561	Tự luận	90'		x	
18	Nghiệp vụ tổ chức hội họp, hội nghị, hội thảo (QKS)	0211002562	Tự luận	90'		x	
19	Phân tích báo cáo tài chính (QTD)	0211002225	Tự luận	90'		x	
20	Phân tích hoạt động kinh doanh (KTD)	0211002051	Tự luận	90'		x	
21	Pháp luật thương mại điện tử(TMĐ)	0211003121	Tự luận	90'	x		
22	Quản trị kho hàng (LGT)	0211002046	Tự luận	90'		x	
23	Quản trị tài chính doanh nghiệp (TMĐ)	0211001544	Tự luận	90'		x	
24	Tài chính - tiền tệ(TCD)	0211002560	Tự luận	90'		x	
25	Tài chính doanh nghiệp 1(KTD)	0211002223	Tự luận	90'		x	
26	Tâm lý kinh doanh(QTD)	0211002049	Tiểu luận				
27	Thống kê doanh nghiệp (TCD)	0211001537	Tự luận	90'		x	
28	Thương phẩm và an toàn thực phẩm (KLB)	0211002394	Tự luận	90'		x	
29	Tổ chức sự kiện (QNH)	0211002568	Tự luận	90'		x	
30	Ứng dụng công nghệ thông tin trong khách sạn (QKS)	0211002563	Tiểu luận				
31	Văn hóa ẩm thực (KLB, QNH)	0211002395	Tự luận	90'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
32	Văn hóa ẩm thực (QNH)	0211002356	Tự luận	90'		x	
33	Xây dựng thực đơn (QNH)	0211002566	Tự luận	90'		x	

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2022

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2021-2022
Khoa: KHOA HỌC CƠ BẢN**

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2021 TRUNG CẤP (T4)							
1	Địa Lý 1 (QDL, QLH)	0714002540	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Đọc hiểu Tiếng Hàn (NHQ)	0714003034	Tự luận	60'		x	
3	Đọc hiểu Tiếng Nhật (NTN)	0714003049	Tự luận	60'		x	
4	Ngữ pháp Tiếng Anh 2 (NNA)	0714002557	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Ngữ Văn 2 (CĐT, ĐCN, ĐĐT, CCK, CCK, CNO, TĐH, CTM, ĐHD, LTM, CNM, KXD, TKW, KTD, QTD, QNH, TMĐ, NNA, NHQ, NTN, KML, VSL, TKĐ, QTM, KBL)	0714000479	Vấn đáp				
6	Ngữ Văn 2 (QDL, QLH)	0714002542	Vấn đáp				
7	Toán 2 (CĐT, ĐĐT, ĐCN, TĐH, CNO, CCK, CTM, CNM, LĐL, KML, VSL, CMT, QTM, TKW, ANM, THU, KXD, KTD, QTD, TMĐ, NNA, NHQ, NTN, LGT, TCD)	0714001349	Tự luận	90'		x	
8	Toán 2 (QDL, QLH)	0714002539	Tự luận	90'		x	
9	Vật Lý 1 (CĐT, ĐCN, ĐĐT, TĐH, CNO, KML, VSL, CNM, NNA, ANM, CMT, QTM, THU, TKW, TMĐ, TKĐ, ĐHD, CCK, CTM, NHQ, NTN, LGT, KTD, QTD, KXD)	0714000453	Trắc nghiệm	60'		x	
10	Vật Lý 1 (QDL, QLH)	0714002541	Tự luận	90'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2021 TRUNG CẤP (T2)							
1	Hóa	0713001593	Tự luận	90'		x	
1	Lý	0713001409	Tự luận	90'		x	
1	Tiếng Anh 1	0713002071	Trắc nghiệm	60'		x	
1	Tiếng Anh 2	0713002201	Trắc nghiệm	60'		x	
1	Toán	0713001410	Tự luận	90'		x	
1	Văn	0713001411	Tự luận	90'		x	
2021 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Độc (NNA)	0211002057	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Ngữ âm và âm vị học (NNA)	0211000969	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Ngữ pháp Tiếng Anh 2 (NNA)	0211002055	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Tiếng Anh 1 (CNÔ, CNL, KML, VSL, CMT, LTM, QTM, TKW, TKĐ)	0211002027	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Tiếng Anh 2 (CNÔ, CNL, KML, VSL, CMT, LTM, QTM, TKW, TKĐ)	0211002254	Trắc nghiệm	60'		x	
6	Tiếng Anh 3 (CNÔ, CNL, KML, VSL, CMT, LTM, QTM, TKW, TKĐ)	0211002259	Trắc nghiệm	60'		x	
7	Tiếng Anh Marketing (NNA)	0211002577	Trắc nghiệm	60'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
8	Tiếng Anh Thuyết trình (NNA)	0211001593	Vấn đáp	120'		x	
9	Viết (NNA)	0211001259	Tự luận	60'		x	
2021 CAO ĐẲNG CLC LIÊN KẾT QUỐC TẾ (C7)							
1	Kỹ năng nói trong công sở (Speaking for Employability) (NNA)	0222003097	Vấn đáp	120'		x	
2	Tiếng Anh Marketing (NNA)	0222002577	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Tiếng Anh Thuyết trình (NNA)	0222001593	Vấn đáp	120'		x	

K. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2022

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2021-2022
Khoa: LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2021 TRUNG CẤP (T4)							
1	Pháp luật (CĐT, ĐĐT, ĐCN, TĐH, KML, VSL, KTD, QTD, LGT, TCD, QKS, KLB, QDL, QLH, TMĐ, NNA, NHQ, NTN)	0714001982	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Giáo dục chính trị (CĐT, ĐĐT, ĐCN, TĐH, KML, VSL, KTD, QTD, LGT, TCD, QKS, KLB, QDL, QLH, TMĐ, NNA, NHQ, NTN)	0714001981	Trắc nghiệm	60'		x	
2021 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Giáo dục chính trị (CCK, CTM, LTM, TKĐ, QTM, CNM, CNO)	0211001967	Tự luận	90'	x		
2021 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (C2)							
1	Giáo dục chính trị (CNO)	0204002120	Tự luận	90'	x		
2021 CAO ĐẲNG CLC (C3)							
1	Giáo dục chính trị (CCK, LTM, CNO)	0201001967	Tự luận	90'	x		
2021 CAO ĐẲNG CLC TTTN NHẬT (C6)							
1	Giáo dục chính trị (CNO)	0221001967	Tự luận	90'	x		

HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2022

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2021-2022
Khoa: XÂY DỰNG**

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2020 CAO ĐẲNG (C1)							
1	An toàn lao động (KXD)	0211001820	Trắc nghiệm	60'	x		
2	Địa chất, cơ đất, nền móng (KXD)	0211002064	Trắc nghiệm	90'	x		
3	Kết cấu bê tông - cốt thép 1 (KXD)	0211002239	Tự luận	90'	x		
4	Trắc địa đại cương (KXD)	0211002066	Trắc nghiệm	60'	x		

HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Văn Đệ